

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 10-3-2020

Về việc chia tài sản chung sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Văn Công Dân.
- Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Phụng; bà Lưu Thị Thu Hương.

Thư ký phiên toà: Ông Trương Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2020/TLPT-HNGĐ ngày 13/01/2020 về việc “*Chia tài sản chung sau ly hôn*”

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 29/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐ-PT ngày 28/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Sỹ Nữ Thu L - Sinh năm 1984; trú tại: Thôn 2, xã ES, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nông Văn Đ - Sinh năm 1986; trú tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Lệ C; trú tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Lê Huy V; trú tại: Thôn T, xã ET, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Vũ Ngọc Y; trú tại: Thôn Q1, xã ET, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có kháng cáo: Ông Nông Văn Đ là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Trần Sỹ Nữ Thu L trình bày:** Bà L và anh Nông Văn Đ có đăng ký kết hôn vào năm 2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đã được Tòa án huyện Ea Kar công nhận thuận tình ly hôn tại quyết định số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2018 nhưng chưa chia tài sản chung. Nay vì không thoả thuận được việc chia tài sản chung nên bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án chia tài sản chung cho bà L và ông Đ. Trong quá trình chung sống từ năm 2006 đến ngày 11/01/2018 bà L và ông Đ tạo lập được khối tài sản chung và nợ chung cụ thể như sau:

*** Về tài sản chung:**

- 01 xe công nông kèm một cối xạc lúa và 01 cối xạc bắp.

- 01 lô đất có diện tích $1045m^2$, tại thửa đất số 591, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 798324 ngày 14/5/2012 cho ông Nông Văn Đ và chị Trần Sỹ Nữ Thu L. Lô đất này sau khi mở đường còn lại diện tích thực tế là $940m^2$. Diện tích đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp thửa đất 592 có chiều dài 47m.

+ Phía Tây giáp đất ông Cao Thành T có chiều dài 47m.

+ Phía Nam giáp đất ông Hồ Văn T có chiều dài 20m.

+ Phía Bắc giáp đường liên thôn có chiều dài 20m.

- 01 lô đất diện tích $440,4m^2$, tại thửa đất 8,9,10,11 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 068694. Lô đất này được nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị H cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L vào ngày 14/3/2017. Diện tích đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp thửa đất số 7 có chiều dài 7,81m.

+ Phía Tây giáp thửa đất số 12 có chiều dài 14,62m.

+ Phía Nam giáp thửa đất số 22, thửa đất số 24 gồm 06 cạnh có chiều dài từ Đông sang Tây lần lượt là: 10,04m; 7,28m; 8,95m; 1,95m; 13,08m; 9,55m.

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 6 gồm 04 cạnh có chiều dài từ Đông sang Tây lần lượt là: 10,67m; 6,42m; 21,81m; 12,06m.

- 01 lô đất có diện tích $2185,4m^2$, tại thửa đất 7,25,26,27 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 068696 và nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L, bà

Trương Thị H cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L vào ngày 14/3/2017.
Diện tích đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp suối gồm 04 cạnh có chiều dài từ Bắc sang Nam lần lượt là: 4,53m; 10,56m; 16,53m; 33,16m.

+ Phía Tây giáp thửa đất số 8, thửa đất số 24, thửa đất số 23, thửa đất số 22 và đất bà Nguyễn Thị Lệ C gồm 07 cạnh có chiều dài từ Bắc sang Nam lần lượt là: 7,81m; 10,36m; 18,89m; 9,24m; 13,93m; 17,13m; 34,51m.

+ Phía Nam giáp Suối gồm 02 cạnh có chiều dài từ Đông sang Tây lần lượt là: 46,33m; 1,07m.

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 6 có chiều dài 14,37m.

- 01 lô đất có diện tích $1281m^2$, tại thửa đất 22, 23, 24 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 068697 và nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị H cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L vào ngày 14/3/2017.
Diện tích đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp thửa đất số 25, thửa đất số 26 gồm 02 cạnh có chiều dài từ Bắc sang Nam lần lượt là 10,36m; 18,89m.

+ Phía Tây giáp thửa đất số 21 có chiều dài gồm 02 cạnh từ Bắc sang Nam lần lượt là: 2,30m; 23,18m.

+ Phía Nam giáp thửa đất số 27 có chiều dài gồm 03 cạnh từ Đông sang Tây lần lượt là: 9,24m; 13,93m; 17,13m.

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 8 và thửa đất số 10 có chiều dài gồm 06 cạnh từ Đông sang Tây lần lượt là: 10,04m; 7,28m; 8,95m; 1,95m; 13,08m; 9,55m.

- 01 lô đất có diện tích $10910,2m^2$, tại thửa đất 6 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 068695 và nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị H cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L vào ngày 14/3/2017.
Diện tích đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp suối có chiều dài gồm 05 cạnh từ Bắc sang Nam lần lượt là: 67,57m; 16,34m; 35,91m; 22,26m; 39,64m.

+ Phía Tây giáp đường đi và thửa đất số 5 có chiều dài gồm 09 cạnh từ Bắc sang Nam lần lượt là: 15,48m; 23,93m; 27,65m; 20,51m; 14,53m; 15,56m; 24,18m; 54,45m; 47,30m.

+ Phía Nam giáp thửa đất số 7, 8, 9, 10, 11 có chiều dài gồm 05 cạnh từ Đông sang Tây lần lượt là: 14,37m; 10,67m; 6,42m; 21,81m; 12,06m.

+ Phía Bắc giáp nương nước có chiều dài 29,26m.

+ 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích là 81,5m² được xây trên đất của bố mẹ ông Đ tại thửa đất số 306, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại thôn Đ2, xã ET, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

- Về số tài sản chung này, bà L có yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị trong khối tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, bà L có nguyện vọng được chia lô đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 798324, thửa đất số 591 tờ bản đồ số 09 có diện tích 1045m², tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, được UBND huyện EK cấp cho ông Nông Văn Đ và chị Trần Sỹ Nữ Thu L vào ngày 14/5/2012. Lô đất này sau khi mở đường còn lại diện tích thực tế là 940m². Giao cho anh Nông Văn Đ các thửa đất số 8, 9, 10, 11 tờ bản đồ số 30 có diện tích 440,4m², tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, được UBND huyện EK cấp ngày 14/3/2017; thửa đất 7, 25, 26, 27 tờ bản đồ số 30 có diện tích 2185,4m², tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, được UBND huyện EK cấp ngày 14/3/2017; thửa đất 22, 23, 24 tờ bản đồ số 30 có diện tích 1281m², tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, được UBND huyện EK cấp ngày 14/3/2017 và thửa đất 6 tờ bản đồ số 30 có tổng diện tích 10910,2m², tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, được UBND huyện EK cấp ngày 14/3/2017 và ông Đ trả cho bà L tiền chênh lệch giá trị đất.

Về xe công nông và 01 cối xạc lúa, 01 cối xạc bắp bà L có nguyện vọng giao xe công nông và cối xạc lúa, xạc bắp cho anh Đ quản lý, sử dụng, anh Đ phải trả lại bằng tiền cho bà L $\frac{1}{2}$ giá trị là 7.500.000 đồng.

Ngôi nhà cấp 4 có diện tích là 81,5m² được xây trên đất của bố mẹ chồng bà L tại thửa đất số 306, tờ bản đồ số 09. Bà L có nguyện vọng 41.000.000 đồng. Vì nhà được xây dựng trên đất của bà Nguyễn Thị Lệ C, nên bà L đề nghị bà C có trách nhiệm trả số tiền 41.000.000 đồng là C phí bà L đóng góp xây nhà.

* Về nợ chung:

- Ngày 22/12/2016, bà L, ông Đ có vay của ông Vũ Văn Y, trú tại: Thôn Q2, xã ET với số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi là 16.500.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 66.500.000 đồng.

- Ngày 18/8/2017, bà L, ông Đ có mua phân bón của ông Lê Huy V nợ 21.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi là 7.560.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 28.560.000 đồng.

Bà L và ông Đ đã thỏa thuận được với nhau, bà L có trách nhiệm trả cho ông Y 33.250.000 đồng và trả cho V là 14.280.000 đồng. Ông Đ có trách nhiệm trả cho ông Y 33.250.000 đồng và trả cho ông V là 14.280.000 đồng.

- Tại phiên toà, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ C phải trả 15.000.000 đồng tiền công tôn tạo đối với diện tích đất ao, san ủi đất để trồng cây nằm trên thửa đất 51, 64, 65, 66, 67, 85, tờ bản đồ số 40, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 413225 cho ông Nông Văn T vào ngày 24/12/2001 và rút yêu cầu bà C phải trả tiền C phí xây nhà là 49.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà C phải trả C phí xây nhà là 41.000.000 đồng.

*** Tại bản tự khai, các biên bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Nông Văn Đ bày:** Trong quá trình chung sống từ năm 2006 đến năm ngày 11/01/2018 ông Đ và bà L tạo lập được khối tài sản chung và nợ chung như bà L đã trình bày. Nguyên vọng của ông Đ là chia đôi tất cả các thửa đất trên, mỗi ông bà được hưởng ½ diện tích đất. Còn số nợ bà L và ông Đ đã thoả thuận được với nhau, bà L có trách nhiệm trả cho ông Y 33.250.000 đồng và trả cho V là 14.280.000 đồng. Ông Đ có trách nhiệm trả cho ông Y 33.250.000 đồng và trả cho ông V là 14.280.000 đồng.

Riêng đối với căn nhà xây cấp 4 có diện tích là 81,5m² được xây trên đất của bố mẹ ông Đ tại thửa đất số 306, tờ bản đồ số 09 là tài sản riêng của mẹ ông Đ là bà Nguyễn Thị Lệ C, không phải là tài sản riêng của ông Đ bà L.

*** Tại bản tự khai, các biên bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ C trình bày:** Căn nhà cấp 4, có diện tích là 81,5m² trên là tài sản riêng của bà C, vì toàn bộ số tiền xây nhà là do bà C bỏ ra là 180.000.000 đồng. Lời trình bày của bà L là hoàn toàn sai và không có căn cứ. Bà L cho rằng tài sản này là tài sản chung của chị L và anh Đ và yêu cầu bà C phải trả cho bà L 90.000.000 đồng, bà C không đồng ý.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Ngọc Y trình bày:** Vào ngày 22/12/2016, ông Y có cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L vay với số tiền 50.000.000 đồng. Khi vay có thỏa thuận lãi suất 1%/ tháng và hạn đến ngày 10/3/2017 sẽ trả số tiền trên. Nay đã quá hạn nhưng ông Đ, bà L vẫn chưa trả cho ông Y được số tiền này. Nay ông Y yêu cầu ông Đ, bà L trả cho ông Y số tiền 66.500.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 16.500.000 đồng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Huy V trình bày:** Vào năm 2017 ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L có mua phân bón của ông V với số tiền là 21.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả được cho ông V số nợ trên. Nay ông V yêu cầu ông Đ, bà L phải trả cho ông V số tiền 28.560.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 21.000.000 đồng và tiền lãi là 7.560.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/HNGĐ-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218, Điều 219 khoản 2 Điều 244, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 430; Điều 440; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 27, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Sỹ Nữ Thu L đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Lệ C phải trả 15.000.000 đồng tiền tôn tạo đất và 49.000.000 đồng tiền chi phí xây nhà.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Sỹ Nữ Thu L.

*** Chia cho bà Trần Sỹ Nữ Thu L những tài sản sau:**

- 01 lô đất có diện tích 470m², tại thửa đất số 591, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 798324 ngày 14/5/2012 cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L. Diện tích đất có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất 592 có chiều dài 47m.
- + Phía Tây giáp đất ông Đ có chiều dài 47m.
- + Phía Nam giáp đất ông Hồ Văn T có chiều dài 10m.
- + Phía Bắc giáp đường liên thôn có chiều dài 10m.

*** Chia cho ông Nông Văn Đ những tài sản sau:**

- 01 xe công nông kèm một cối xạc lúa và 01 cối xạc bắp.

- 01 lô đất có diện tích 470m², tại thửa đất số 591, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 798324 ngày 14/5/2012 cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L. Diện tích đất có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất bà L có chiều dài 47m.
- + Phía Tây giáp đất ông Cao Thành T có chiều dài 47m.
- + Phía Nam giáp đất ông Hồ Văn T có chiều dài 10m.
- + Phía Bắc giáp đường liên thôn có chiều dài 10m.

- 01 lô đất diện tích 440,4m², tại thửa đất 8,9,10,11 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 068694 và nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị H cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L vào ngày 14/3/2017. Diện tích đất có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất số 7 có chiều dài 7,81m.

- + Phía Tây giáp thửa đất số 12 có chiều dài 14,62m.
- + Phía Nam giáp thửa đất số 22, thửa đất số 24 gồm 06 cạnh có chiều dài từ Đông sang Tây lần lượt là: 10,04m; 7,28m; 8,95m; 1,95m; 13,08m; 9,55m.
- + Phía Bắc giáp thửa đất số 6 gồm 04 cạnh có chiều dài từ Đông sang Tây lần lượt là: 10,67m; 6,42m; 21,81m; 12,06m.
- 01 lô đất có diện tích 2185,4m², tại thửa đất 7,25,26,27 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 068696 và nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị H cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L vào ngày 14/3/2017. Diện tích đất có tứ cận như sau:
 - + Phía Đông giáp suối gồm 04 cạnh có chiều dài từ Bắc sang Nam lần lượt là: 4,53m; 10,56m; 16,53m; 33,16m.
 - + Phía Tây giáp thửa đất số 8, thửa đất số 24, thửa đất số 23, thửa đất số 22 và đất bà Nguyễn Thị Lệ C gồm 07 cạnh có chiều dài từ Bắc sang Nam lần lượt là: 7,81m; 10,36m; 18,89m; 9,24m; 13,93m; 17,13m; 34,51m.
 - + Phía Nam giáp Suối gồm 02 cạnh có chiều dài từ Đông sang Tây lần lượt là: 46,33m; 1,07m.
 - + Phía Bắc giáp thửa đất số 6 có chiều dài 14,37m.
 - 01 lô đất có diện tích 1281m², tại thửa đất 22,23,24 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 068697 và nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị H cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L vào ngày 14/3/2017. Diện tích đất có tứ cận như sau:
 - + Phía Đông giáp thửa đất số 25, thửa đất số 26 gồm 02 cạnh có chiều dài từ Bắc sang Nam lần lượt là 10,36m; 18,89m.
 - + Phía Tây giáp thửa đất số 21 có chiều dài gồm 02 cạnh từ Bắc sang Nam lần lượt là: 2,30m; 23,18m.
 - + Phía Nam giáp thửa đất số 27 có chiều dài gồm 03 cạnh từ Đông sang Tây lần lượt là: 9,24m; 13,93m; 17,13m.
 - + Phía Bắc giáp thửa đất số 8 và thửa đất số 10 có chiều dài gồm 06 cạnh từ Đông sang Tây lần lượt là: 10,04m; 7,28m; 8,95m; 1,95m; 13,08m; 9,55m.
 - 01 lô đất có diện tích 10910,2m², tại thửa đất 6 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 068695 và nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị H cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L vào ngày 14/3/2017. Diện tích đất có tứ cận như sau:
 - + Phía Đông giáp suối có chiều dài gồm 05 cạnh từ Bắc sang Nam lần lượt là: 67,57m; 16,34m; 35,91m; 22,26m; 39,64m.
 - + Phía Tây giáp đường đi và thửa đất số 5 có chiều dài gồm 09 cạnh từ Bắc

sang Nam lần lượt là: 15,48m; 23,93m; 27,65m; 20,51m; 14,53m; 15,56m; 24,18m; 54,45m; 47,30m.

+ Phía Nam giáp thửa đất số 7, 8, 9,10, 11 có chiều dài gồm 05 cạnh từ Đông sang Tây lần lượt là: 14,37m; 10,67m; 6,42m; 21,81m; 12,06m.

+ Phía Bắc giáp ruộng nước có chiều dài 29,26m.

* Buộc ông Đ phải thanh toán số tiền chênh lệch cho bà L là: 147.880.100 đồng.

* Buộc bà Nguyễn Thị Lệ C phải trả cho bà L số tiền đóng góp xây nhà là 41.000.000 đồng.

* Về nợ chung : Buộc ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Vũ Ngọc Y số tiền 66.500.000 đồng và ông Lê Huy V số tiền 28.560.000 đồng. Trong đó, bà Trần Sỹ Nữ Thu L phải trả cho ông Vũ Ngọc Y 33.250.000 đồng và trả cho ông Lê Huy V 14.280.000 đồng. Ông Nông Văn Đ phải trả cho ông Vũ Ngọc Y 33.250.000 đồng và trả cho ông Lê Huy V 14.280.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/11/2019 ông Nông Văn Đ là bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung buộc bà Nguyễn Thị Lệ C phải thanh toán cho bà Trần Sỹ Nữ Thu L số tiền 41.000.000 đồng. Về phần tài sản chung là các quyền sử dụng đất Tòa án giao cho ông Đ quản lý và thanh toán chênh lệch cho bà L. Tuy nhiên, ông Đ không có khả năng làm nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao cho bà C quản lý và thanh toán chênh lệch cho ông Đ.

Ngày 28/02/2020 ông Nông Văn Đ nộp đơn xin rút kháng cáo đối với phần tài sản chung là các quyền sử dụng đất Tòa án giao cho ông Đ quản lý và ông Đ phải thanh toán chênh lệch cho bà L là 147.880.100 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện; bị đơn ông Nông Văn Đ xin rút một phần nội dung kháng cáo về phần tài sản chung là các quyền sử dụng đất Tòa án giao cho ông Đ quản lý và thanh toán chênh lệch cho bà L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Ngày 28/02/2020 ông Nông Văn Đ nộp đơn xin rút kháng cáo đối với phần tài sản chung là các quyền sử dụng đất Tòa án giao cho ông Đ quản lý và ông Đ phải thanh toán chênh lệch cho bà L là 147.880.100 đồng nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 289

BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm phần này. Riêng phần kháng cáo của ông Đ nội dung buộc bà Nguyễn Thị Lệ C phải thanh toán cho bà Trần Sỹ Nữ Thu L số tiền 41.000.000 đồng, đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của bị đơn ông Nông Văn Đ là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; Bộ luật tố tụng dân sự - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nông Văn Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/HNGĐ-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện EaKar.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng : Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nông Văn Đ trong hạn luật định và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp pháp nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nông Văn Đ cho rằng: Căn nhà cấp 4 có diện tích là 81,5m² được xây trên đất của bố mẹ ông Đ tại thửa đất số 306, tờ bản đồ số 09, tại thôn Đ2, xã ET, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk là do bà Nguyễn Thị Lệ C (mẹ của ông Đ) xây dựng, không liên quan đến bà Trần Sỹ Nữ Thu L. Hội đồng xét xử xét thấy: Quyền sử dụng đất các bên đều thừa nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà Nguyễn Thị Lệ C không liên quan đến ông Nông Văn Đ, bà Trần Sỹ Nữ Thu L. Đối với căn nhà cấp 4 diện tích 81,5m² nằm trên thửa đất được khởi công xây dựng vào tháng 11/2017 và đến ngày 20/01/2018 thì hoàn thành. Ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar. Do đó, có căn cứ xác định căn nhà được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân.

Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai của ông Phạm Văn T (BL số 81) là người trực tiếp xây dựng căn nhà thể hiện: “Đợt 1 trả 19.000.000 đồng, trong đó anh Đ và chị L trả 10.000.000 đồng tiền mặt, và 01 con bò con trị giá 9.000.000 đồng...” và chỉ tính riêng tại các bút lục số 31, 32, 34, 38, 39 “Đ, L” mua vật liệu xây dựng số tiền là: 86.430.000 đồng. Tổng cộng hai khoản là: 105.430.000 đồng. Do đó, có căn cứ xác định trong thời gian xây dựng căn nhà ông Đ, bà L có đóng góp công sức và tiền để xây dựng căn nhà tổng số tiền là: 105.430.000 đồng, chia đôi mỗi người đóng góp là: 52.715.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm giao nhà cho bà C và buộc bà Nguyễn Thị Lệ C phải trả cho bà Trần Sỹ Nữ Thu L số tiền 41.000.000 đồng là ít hơn số tiền bà L đóng góp nhưng bà L không có kháng cáo, bà C cũng không kháng cáo. Do đó, kháng cáo của ông Nông Văn Đ về phần này là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Đối với các nội dung kháng cáo khác thì ngày 28/02/2020 ông Nông Văn Đ nộp đơn xin rút kháng. Việc rút một phần kháng cáo của ông Đ là hoàn toàn tự nguyện và được nguyên đơn bà Trần Sỹ Nữ Thu L đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử

căn cứ Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung đã rút kháng cáo.

Từ các phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nông Văn Đ.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên ông Nông Văn Đ phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 148; Điều 289; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo về phần tài sản chung là các quyền sử dụng đất Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông Nông Văn Đ quản lý và thanh toán giá trị chênh lệch cho bà Trần Sỹ Nữ Thu L.

Không chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Nông Văn Đ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/HNGĐ-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Sỹ Nữ Thu L đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Lệ C phải trả 15.000.000 đồng tiền tôn tạo đất và 49.000.000 đồng tiền chi phí xây nhà.

[2.2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Sỹ Nữ Thu L.

[2.2.1]. Chia cho bà Trần Sỹ Nữ Thu L những tài sản sau:

- 01 lô đất có diện tích 470m², tại thửa đất số 591, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 798324 ngày 14/5/2012 cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L. Diện tích đất có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất 592 có chiều dài 47m.
- + Phía Tây giáp đất ông Đ có chiều dài 47m.
- + Phía Nam giáp đất ông Hồ Văn T có chiều dài 10m.
- + Phía Bắc giáp đường liên thôn có chiều dài 10m.

[2.2.2]. Chia cho ông Nông Văn Đ những tài sản sau:

- 01 xe công nông kèm một cối xạc lúa và 01 cối xạc bắp.
- 01 lô đất có diện tích 470m², tại thửa đất số 591, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 798324 ngày 14/5/2012 cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ

Thu L. Diện tích đất có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất bà L có chiều dài 47m.
- + Phía Tây giáp đất ông Cao Thành T có chiều dài 47m.
- + Phía Nam giáp đất ông Hồ Văn T có chiều dài 10m.
- + Phía Bắc giáp đường liên thôn có chiều dài 10m.

- 01 lô đất diện tích $440,4m^2$, tại thửa đất 8,9,10,11 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 068694 và nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị H cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L vào ngày 14/3/2017. Diện tích đất có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất số 7 có chiều dài 7,81m.
- + Phía Tây giáp thửa đất số 12 có chiều dài 14,62m.
- + Phía Nam giáp thửa đất số 22, thửa đất số 24 gồm 06 cạnh có chiều dài từ Đông sang Tây lần lượt là: 10,04m; 7,28m; 8,95m; 1,95m; 13,08m; 9,55m.
- + Phía Bắc giáp thửa đất số 6 gồm 04 cạnh có chiều dài từ Đông sang Tây lần lượt là: 10,67m; 6,42m; 21,81m; 12,06m.

- 01 lô đất có diện tích $2185,4m^2$, tại thửa đất 7,25,26,27 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 068696 và nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị H cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L vào ngày 14/3/2017. Diện tích đất có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp suối gồm 04 cạnh có chiều dài từ Bắc sang Nam lần lượt là: 4,53m; 10,56m; 16,53m; 33,16m.
- + Phía Tây giáp thửa đất số 8, thửa đất số 24, thửa đất số 23, thửa đất số 22 và đất bà Nguyễn Thị Lệ C gồm 07 cạnh có chiều dài từ Bắc sang Nam lần lượt là: 7,81m; 10,36m; 18,89m; 9,24m; 13,93m; 17,13m; 34,51m.
- + Phía Nam giáp Suối gồm 02 cạnh có chiều dài từ Đông sang Tây lần lượt là: 46,33m; 1,07m.
- + Phía Bắc giáp thửa đất số 6 có chiều dài 14,37m.

- 01 lô đất có diện tích $1281m^2$, tại thửa đất 22,23,24 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 068697 và nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị H cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L vào ngày 14/3/2017. Diện tích đất có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất số 25, thửa đất số 26 gồm 02 cạnh có chiều dài từ Bắc sang Nam lần lượt là 10,36m; 18,89m.
- + Phía Tây giáp thửa đất số 21 có chiều dài gồm 02 cạnh từ Bắc sang Nam lần lượt là: 2,30m; 23,18m.

+ Phía Nam giáp thửa đất số 27 có chiều dài gồm 03 cạnh từ Đông sang Tây lần lượt là: 9,24m; 13,93m; 17,13m.

+ Phía Bắc giáp thửa đất số 8 và thửa đất số 10 có chiều dài gồm 06 cạnh từ Đông sang Tây lần lượt là: 10,04m; 7,28m; 8,95m; 1,95m; 13,08m; 9,55m.

- 01 lô đất có diện tích 10910,2m², tại thửa đất 6 tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại: Thôn Đ2, xã ET, huyện EK, đã được UBND huyện EK cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 068695 và nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn L, bà Trương Thị H cho ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L vào ngày 14/3/2017. Diện tích đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp suối có chiều dài gồm 05 cạnh từ Bắc sang Nam lần lượt là: 67,57m; 16,34m; 35,91m; 22,26m; 39,64m.

+ Phía Tây giáp đường đi và thửa đất số 5 có chiều dài gồm 09 cạnh từ Bắc sang Nam lần lượt là: 15,48m; 23,93m; 27,65m; 20,51m; 14,53m; 15,56m; 24,18m; 54,45m; 47,30m.

+ Phía Nam giáp thửa đất số 7, 8, 9, 10, 11 có chiều dài gồm 05 cạnh từ Đông sang Tây lần lượt là: 14,37m; 10,67m; 6,42m; 21,81m; 12,06m.

+ Phía Bắc giáp ruộng nước có chiều dài 29,26m.

* Buộc ông Đ phải thanh toán số tiền chênh lệch cho bà L là: 147.880.100 đồng.

* Buộc bà Nguyễn Thị Lệ C phải trả cho bà L số tiền đóng góp xây nhà là 41.000.000 đồng.

[2.2.3]. Về nợ chung: Buộc ông Nông Văn Đ và bà Trần Sỹ Nữ Thu L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Vũ Ngọc Y số tiền 66.500.000 đồng và ông Lê Huy V số tiền 28.560.000 đồng. Trong đó, bà Trần Sỹ Nữ Thu L phải trả cho ông Vũ Ngọc Y 33.250.000 đồng và trả cho ông Lê Huy V 14.280.000 đồng. Ông Nông Văn Đ phải trả cho ông Vũ Ngọc Y 33.250.000 đồng và trả cho ông Lê Huy V 14.280.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Sỹ Nữ Thu L phải chịu 11.394.005 đồng tiền án phí chia tài sản chung và 2.376.500 đồng tiền án phí về nợ chung. Bà L phải chịu tổng án phí là 13.770.505 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 7.375.000 đồng mà bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0004564 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EK. Bà L còn phải nộp 6.395.505 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nông Văn Đ phải chịu 11.394.005 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về

chia tài sản chung và 376.500 đồng tiền án phí về nợ chung. Ông Đ phải chịu tổng 13.770.505 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Lệ C phải chịu 2.062.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả cho ông Lê Huy V số tiền 750.000 đồng mà ông V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0013013 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EK.

- Trả cho ông Vũ Ngọc Y số tiền 1.250.000 đồng mà bà Kiên đã nộp thay ông Y tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2017/0013003 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện EK.

[3.2]. Về án phí phúc thẩm: Ông Nông Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013462 ngày 26/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EK, tỉnh Đắk Lắk

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- C cục THADS huyện EK;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Văn Công Dân